

Bản án số: 605/2023/HS-PT  
Ngày: 15/12/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Tào

*Các Thẩm phán:* ông Phạm Việt Cường  
ông Nguyễn Tấn Long

**- Thư ký phiên tòa:** bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 527/2023/HS-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Hồ Quang T về tội “Tham ô tài sản”.

Do có kháng cáo kháng nghị của Viện kiểm sát đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Bị cáo bị kháng nghị:**

Hồ Quang T, sinh ngày 27/3/1979 tại Bình Định. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 9 P, tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do (nguyên kế toán trưởng Sở N tỉnh Gia Lai). Học vấn: 12/12. Cha là Hồ Quang T1, sinh năm 1956, mẹ là Lê Thị T2, sinh năm 1950. Có vợ là Phan Thị Thanh V, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 10/12/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai; có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Hồ Quang T:* Luật sư Trần Đại H, VPLS Trương Thị P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: A Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Ngày 31/12/2015, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 903/QĐ-UBND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ngày 08/4/2016, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 247/QĐ-UBND phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2016, trong đó Sở N được phân bổ 02 tỷ đồng để thực hiện Dự án trên. Ngày 16/6/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 78/QĐ-SKHĐT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án. Sau đó, Sở N đã ký hợp đồng thực hiện với các đơn vị, lập hồ sơ thanh toán, được KBNN tỉnh Gia Lai thanh toán tổng số tiền 1.934.553.896 đồng của 05 gói thầu, trong đó Gói thầu Nhập dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức số tiền 575.100.000 đồng xảy ra sai phạm, cụ thể như sau:

Ngày 25/7/2016, Sở N ký Hợp đồng số 07/HĐ-SNV/2016 với Chi nhánh Công ty TNHH P1 (DTSoft) thực hiện gói thầu Xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đào tạo, chuyển giao công nghệ với số tiền là 979.800.000 đồng. Ngày 28/9/2016, Sở N tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Công ty D cùng với đơn vị giám sát là Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia lai đã tiến hành nghiệm thu, kiểm thử, vận hành thử phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Đến ngày 30/9/2016, các đơn vị trên tiếp tục lập biên bản nghiệm thu đào tạo, hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ đối với gói thầu xây dựng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đào tạo chuyển giao công nghệ. Theo Hợp đồng, từ ngày 26/9/2016 đến ngày 11/11/2016, Chi nhánh Công ty D đã tổ chức tập huấn, chuyển giao phần mềm tại Sở N cho 36 các cơ quan ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh và 17 UBND các huyện, thị xã, thành phố P (trong đó Phòng N làm đầu mối).

Ngày 07/11/2016, Sở N ban hành giấy mời họp số 1697/GM-SNV với nội dung mời Lãnh đạo Phòng Tổ chức cán bộ (hoặc Văn phòng, Phòng Tổ chức hành chính) và 01 chuyên viên (sau này sẽ phụ trách tổng hợp dữ liệu phần mềm) của các Sở, ban ngành tỉnh vào ngày 11/11/2016 để triển khai tập huấn Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Ngày 22/11/2016, Sở N đã có Công văn số 1814/SNV-VP v/v triển khai phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý CBCCVC trên địa bàn tỉnh với nội dung đề nghị các Sở, ban ngành tỉnh, UBND và Phòng N các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo, bố trí nhân lực tiến hành nhập dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cả CBCC cấp xã) và tại các Sở, ban ngành tỉnh đảm bảo đúng, đủ số số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức hiện có của cơ quan, địa phương mình vào phần mềm theo hướng dẫn trong buổi tập huấn tại Sở N ngày 29/9/2016 (cho Phòng N cấp huyện) và ngày 11/11/2016 (cho các Sở, ban ngành tỉnh) và Sở N sẽ chi trả kinh phí nhập dữ liệu cho các cơ quan, địa phương theo như Dự toán đã được phê duyệt.

Do các đơn vị chưa hoàn thành việc nhập dữ liệu hồ sơ CBCVC vào phần mềm (Qua điều tra xác định, tính đến ngày 29/6/2017 các cơ quan đơn vị này mới nhập được 1.812 phiếu/36.000 phiếu theo yêu cầu), nhưng dự án chỉ được giao kinh phí sử dụng trong năm 2016, vì sợ bị rút vốn đầu tư, thì không có kinh phí để chi trả khi việc nhập dữ liệu hoàn thành nên Huỳnh Văn T3 (Nguyên Giám đốc Sở N tỉnh Gia lai) cùng với Nguyễn Đình T4 (Giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Sở N từ năm 2010 đến nay) và Hồ Quang T (Kế toán trưởng Sở N từ ngày 10/3/2015 đến ngày 07/3/2018) đã lập khống hồ sơ rút vốn đầu tư số tiền 575.100.000 đồng của gói thầu nhập dữ liệu, cụ thể như sau:

Huỳnh Văn T3 đã ký ban hành Quyết định số 112/QĐ-SNV ngày 01/11/2016 về việc giao nhập liệu hồ sơ cán bộ công chức viên chức thuộc dự án Xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai kèm theo danh sách nhập liệu hồ sơ cán bộ công chức viên chức gồm 16 cá nhân ( trong đó có Nguyễn Đình T4 và Hồ Quang T). Nguyễn Đình T4 là người ký nháy trong quyết định và danh sách này.

Huỳnh Văn T3 và Nguyễn Đình T4 đã ký khống biên bản làm việc ngày 01/11/2016 về việc cử đại diện tổ nhận khoán công việc nhập liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức ngày 01/11/2016 với nội dung giao cho ông Nguyễn Đình T4 đại diện tổ nhập liệu ký hợp đồng và thanh toán tiền nhập liệu cho thành viên trong tổ khi nhập liệu xong và chịu trách nhiệm về nội dung công việc nhập liệu.

Huỳnh Văn T3 và Nguyễn Đình T4 đã ký khống hợp đồng nhập dữ liệu hồ sơ cán bộ công chức, viên chức số 15/HĐKT/2016 ngày 01/11/2016 theo đó đại diện bên giao thầu là Sở N tỉnh Gia Lai với nội dung hợp đồng nhập dữ liệu của 36.000 cán bộ, công chức trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, hình thức hợp đồng trọn gói, giá trị hợp đồng là 575.100.000 đồng.

Huỳnh Văn T3 và Nguyễn Đình T4 đã ký khống Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán đề ngày 31/12/2016 với nội dung đề nghị thanh toán số tiền 575.100.000 đồng chi phí nhập liệu hồ sơ.

Sau khi lập khống các tài liệu trên, ngày 23/01/2017, Hồ Quang T và Huỳnh Văn T3 đã lập giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy rút vốn đầu tư với nội dung thanh toán số tiền 575.100.000 đồng tiền chi nhập liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức vào tài khoản ngân hàng B chi nhánh N1 số 62110000160803 của Nguyễn Đình T4.

Đến ngày 23/02/2017, T4 đã nộp số tiền 575.100.000 đồng vào tài khoản tiền gửi của Sở N tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) - Chi nhánh N1 để Sở N chi trả cho các đơn vị khi việc nhập dữ liệu hoàn thành.

Khi thấy tài khoản tiền gửi của Sở N có số tiền do T4 đã nộp nên Hồ Quang T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này. Do vậy, từ ngày 24/02/2017 đến ngày 10/8/2017, Hồ Quang T dùng thủ đoạn nghĩ ra các lý do để trình Huỳnh Văn T3 ký các Giấy ủy nhiệm chi để thực hiện 10 giao dịch rút số tiền nhập liệu nêu trên trong tài khoản tiền gửi của Sở N tại Ngân hàng B bằng hình

thức chuyển tiền đến tài khoản của Hồ Quang T mở tại B - Chi nhánh P2 Trong 10 giao dịch rút tiền mà T trình T3 ký, chỉ có 03 giao dịch tổng số tiền 94.220.000 đồng là đúng hoạt động của Sở N (gồm: số tiền 24.220.000 đồng chi khen thưởng theo Quyết định số 220 và 224, số tiền 30.000.000 đồng chi tiếp khách Bộ N2 và số tiền 40.000.000 đồng chi tiếp khách Kiểm toán và Bộ N2), còn 07 giao dịch tổng số tiền 259.375.000 đồng không đúng hoạt động của Sở N (gồm: 03 giao dịch tổng số tiền 169.355.000 đồng chi kinh phí bầu cử; 01 giao dịch số tiền 30.000.000 đồng chi tiếp khách, 01 giao dịch số tiền 35.800.000 đồng chi rút kinh phí nộp thanh tra, 01 giao dịch số tiền 16.940.000 đồng chi khen thưởng theo QĐ số 294/QĐ-UBND và 01 giao dịch số tiền 7.280.000 đồng chi khen thưởng theo Quyết định số 220/QĐ-UBND).

Theo quy định của Ngân hàng B, 01 giao dịch Ủy nhiệm chi phải ký 02 giấy Ủy nhiệm chi (Ngân hàng lưu 01 liên, Sở N lưu 01 liên; Sở N sử dụng giấy Ủy nhiệm chi in giấy A4 trên máy vi tính) nên đối với 10 giao dịch Ủy nhiệm chi phải ký 20 giấy Ủy nhiệm chi. Lợi dụng việc Huỳnh Văn T3, Nguyễn Đình T4 và ông Đỗ Duy N (là Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng Sở N từ 09/02/2017 đến 10/2019) không kiểm tra nội dung của các giấy Ủy nhiệm chi, không kiểm tra số dư tài khoản tiền gửi, không kiểm tra các liên lưu (khi T4 và Nhật ký nháy), T đã thực hiện hành vi rút tiền bằng thủ đoạn sử dụng 01 liên rút tiền tại B - Chi nhánh N1, liên còn lại 01 liên sử dụng để rút tiền tại B - Chi nhánh P2 Do vậy, với 20 giấy Ủy nhiệm chi trên, T đã thực hiện 19 giao dịch rút tổng số tiền 699.910.000 đồng trong đó có 03 lần rút tổng số tiền 94.220.000 đồng đúng hoạt động của Sở N như đã nêu trên, còn 16 lần rút tổng số tiền 605.690.000 đồng không đúng hoạt động của Sở N. Trong số này, T4 ký nháy 01 giao dịch (02 giấy ủy nhiệm chi) số tiền 53.255.000 đ/1 giao dịch (chi kinh phí bầu cử không đúng hoạt động của Sở N); Nhật ký nháy 05 giao dịch (10 liên giấy Ủy nhiệm chi) với số tiền 160.020.000/5 giao dịch (trong đó số tiền 94.220.000 đồng đúng hoạt động của Sở N)

Đối với tổng số tiền 605.690.000 đồng, T đã nộp trả lại số tiền 26.200.000 đồng vào tài khoản của Sở N, nộp số tiền 35.800.000 đồng theo Quyết định thu hồi số 15, 16/QĐ-STC ngày 07/02/2017 của Sở T5, còn lại số tiền 543.690.000 đồng T chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Đến cuối năm 2017, Hồ Quang T tự ý nghỉ việc tại Sở N tỉnh Gia lai. Ngày 07/3/2018, Huỳnh Văn T3 đã ban hành Quyết định số 282/QĐ-SNV về việc kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc đối với Hồ Quang T. Ngày 18/10/2021, Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra thì đến ngày 22/10/2021, Huỳnh Văn T3 đã nộp lại số tiền 575.100.000 đồng cho Thanh tra tỉnh Gia Lai.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:***

Tuyên bố bị cáo Hồ Quang T phạm tội “*Tham ô tài sản*”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hồ Quang T 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/12/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị số 18/2023/QĐ-VC2, kháng nghị phần hình phạt đối với bị cáo Hồ Quang T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt tù đối với bị cáo Hồ Quang T.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa án sơ thẩm, tăng hình phạt tù đối với bị cáo T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận: Năm 2016, Sở N tỉnh G được phân bổ 2.000.000.000đ và làm chủ đầu tư thực hiện “Dự án Xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai”. Thời điểm này bị cáo Huỳnh Văn T3 là Giám đốc Sở N, bị cáo Hồ Quang T là Kế toán trưởng Sở N và bị cáo Nguyễn Đình T4 là Phó Chánh Văn phòng Sở N phân công phụ trách tổ nhập liệu; trong đó gói thầu nhập dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức với số tiền 575.100.000đ. Mặc dù việc nhập dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức không thực hiện được nhưng các bị cáo Huỳnh Văn T3, Hồ Quang T, Nguyễn Đình T4 đã xác lập khống hồ sơ quyết toán để được chuyển toàn bộ 575.100.000đ vào tài khoản của bị cáo T4, sau đó tiếp tục chuyển từ tài khoản của bị cáo T4 sang tài khoản của Sở N mà không chuyển trả vào tài khoản kho bạc theo đúng quy định khi không hoàn thành dự án. Vì muốn chiếm đoạt số tiền này nên bị cáo T đã đề xuất rút toàn bộ số tiền để nhập vào tài khoản tiền mặt của Sở N, trình cho bị cáo T3 ký Ủy nhiệm chi chuyển tiền sang tài khoản cá nhân của bị cáo T với các nội dung chi khác nhau, bị cáo T đã luân chuyển tiền từ tài khoản của bị cáo sang tài khoản khác hoặc rút tiền mặt tiêu xài cá nhân 543.690.000 đồng.

Với hành vi, hậu quả nêu trên, án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Hồ Quang T phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ Luật Hình sự; các bị cáo Huỳnh Văn T3, Nguyễn Đình T4 phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo T; nhận thấy: Bị cáo Hồ Quang T bị truy tố, xét xử về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ Luật hình sự, có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm tù; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Mặc dù quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T đã thật thà khai báo, ăn năn

hồi cải và khắc phục một phần hậu quả là 4.390.000 đồng/ 543.690.000 đồng (số tiền còn lại là do bị cáo Huỳnh Văn T3 khắc phục), nhưng án sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo T 9 năm tù là nhẹ, không đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong giai đoạn hiện nay. Do đó, xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở nên cần chấp nhận; sửa án sơ thẩm, tăng hình phạt tù đối với bị cáo Hồ Quang T.

[2]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hồ Quang T **11 (mười một)** năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/12/2021.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hồ Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tào**